KHAI MỞ ĐẤT NÔNG NGHIỆP Ở NÔNG THÔN ĐÔNG NAM BỘ THỜI KỲ 1975 - 2010 (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP XÃ LÁNG DÀI, HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU)

NGUYỄN CÔNG MẠNH

Bài viết nghiên cứu quá trình khai phá mở rộng đất nông nghiệp ở xã Láng Dài, một xã nông nghiệp được bao phủ đất rừng và đất hoang hóa sau chiến tranh thuộc huyện Đất Đỏ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong thời kỳ 1975 - 2010, tìm hiểu những tác động của công cuộc khai phá ruộng đất đối với phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương. Qua đó bước đầu làm rõ hơn quá trình khai phá mở rộng đất nông nghiệp ở vùng nông thôn Đông Nam Bộ.

1. VAI TRÒ KHAI PHÁ MỞ RỘNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đông Nam Bộ là vùng đất thích hợp trồng cây lương thực, cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả và chăn nuôi. Trong chiến tranh, hàng trăm ngàn héc ta đất các loại đã bị bỏ hoang hóa, khô cằn, bạc màu. Công cuộc khai phá mở rộng diện tích đất nông nghiệp vùng Đông Nam Bộ sau năm 1975 là bước đột phá để vùng phát huy tiềm năng, lợi thế về tài nguyên đất, phân bố lại dân cư lao động, bảo vệ môi trường, tạo cơ sở để nông thôn phát triển bền vững.

Nguyễn Công Mạnh. Thạc sĩ. Trung tâm Sử học, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Láng Dài là 1 trong 8 xã, thị trấn, nằm ở phía Đông của huyện Đất Đỏ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc vùng Đông Nam Bộ, được chính thức thành lập từ năm 1976, có diện tích tự nhiên 3.228,4ha, dân số 6.003 người. Đây là xã nông nghiệp trọng điểm của huyện Đất Đỏ, với diện tích đất nông nghiệp tới 2.920ha, chiếm 90,48% diện tích đất tự nhiên của xã. Nằm trên vùng đất phù sa cổ, có sông Ray chảy qua, nên nơi đây thích hợp trồng cây lương thực, rau màu, cây ăn trái, nuôi trồng thủy hải sản và chăn nuôi. Năm 1975, khi chiến tranh kết thúc, 77% (2.260ha/ 2.920ha) diện tích đất canh tác nông nghiệp ở xã Láng Dài là đất rừng và đất đã khai phá bị bỏ hoang hóa (Ủy

ban Nhân dân xã Láng Dài, 2014). Đất đai bị bao phủ bởi các lớp rừng chồi, tre, nứa, các loại cây lâu năm. Dân cư tại xã thưa thớt, đường giao thông nội đồng, liên ấp, liên xã hầu như chưa có, nhiều hộ nông dân nghèo không có đất, thiếu đất sản xuất, tình hình đói kém, thiếu ăn diễn ra gay gắt, nhiều hộ dân phải chạy ăn từng bữa, an ninh, trật tự xã hội diễn biến phức tạp.

Trước tình hình đó, chính quyền chủ trương đẩy mạnh khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích đất nông nghiệp nhằm đảm bảo an ninh lương thực và phân bố lại lao động cũng như dân cư trên địa bàn.

2. QUÁ TRÌNH KHAI PHÁ RUỘNG ĐẤT

Để đẩy nhanh quá trình khai phá đất đai, chính quyền xã Láng Dài đã tạo mọi điều kiện thuận lợi, khuyến khích người dân ở địa phương và các nơi khác đến lập nghiệp, không giới hạn về diện tích khai phá, được miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp trong những năm đầu…

2.1. Thời gian khai phá

Công cuộc khai phá đất đai ở xã Láng Dài được tiến hành từ năm 1975 đến đầu những năm 2000 thì kết thúc. 10 năm đầu (1975 - 1985), là thời kỳ các hộ dân tập trung khai phá nhiều nhất, cả về diện tích đất khai phá (1.700ha/ 2.260ha, chiếm tỷ lệ 75% diện tích đất khai phá) và diện tích đất khai phá theo quy mô hộ (Ủy ban Nhân dân xã Láng Dài, 2014). Thời gian này đất hoang ở xã còn nhiều, nên những phần đất ở vị trí thuận lợi gần trục lộ giao thông, trung tâm xã, ấp, dọc theo các trảng và ven sông được người dân tập trung khai phá trước. Phần lớn diện tích đất hoang hóa được khai phá thời kỳ này đã giúp giải quyết kịp thời nạn thiếu ăn của người dân. Thời gian từ năm 1986 - 2010, công cuộc khai phá được tiếp tục thực hiện ở những phần đất hoang hóa còn lại, thường ở vùng đất cao hơn và vùng xa trung tâm xã.

2.2. Nguồn nhân lực khai phá

Để tìm hiểu về vấn đề này, chúng tôi đã phối hợp với Ban Địa chính xã khảo sát 40 hộ dân có quá trình khai phá ruộng đất ở xã Láng Dài thời kỳ 1975 - 2010. Trong đó 30 hộ ở giai đoạn 1975 - 1985 và 10 hộ ở giai đoạn 1985 - 2010. Một số ít các hộ dân đến từ các ấp Thanh An, Cây Cám, Ba Cụm (Láng Dài), các địa bàn giáp ranh như Phước Long Thọ, Lộc An và TPHCM; còn phần lớn hộ dân đến từ các tỉnh miền Trung, như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định, Khánh Hòa. Họ đều là những nông dân thiếu đất, thị dân nghèo, nghề nghiệp không ổn định, mong muốn tìm đến vùng đất mới làm ăn để cuộc sống gia đình tốt đẹp hơn.

Đa số chủ hộ có trình độ văn hóa cấp I, II, một số ít có trình độ cấp III, không có chủ hộ nào mù chữ, đó là điều kiện thuận lợi để các hộ nông dân vận dụng kiến thức khoa học kỹ thuật trong sản xuất và đời sống, sớm thích nghi, làm chủ ở vùng đất mới. Họ đều có gia đình con cái khi di cư, một số ít chủ hộ xây dựng gia đình trong quá trình khai phá, lập nghiệp trên vùng đất mới.

Những người nông dân Láng Dài đến từ nhiều địa phương khác nhau nhưng

đều là những người cần cù, có kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi, biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau. Trong bối cảnh đầy khó khăn những năm đầu sau chiến tranh, những phẩm chất ấy giúp họ vượt qua nhiều khó khăn thử thách, khai phá đất hoang hóa, xây dựng đời sống cộng đồng nông thôn ở xã Láng Dài.

2.3. Hình thức khai phá

95% diện tích đất ở Láng Dài được khai phá dưới hình thức quy mô hộ gia đình. Chỉ có 5% diện tích đất rẫy hoang hóa được huyện Đất Đỏ tổ chức khai phá trồng tràm trong Chương trình trồng rừng 327 nhằm phủ xanh đất trống, đồi trọc. Việc khai phá cũng chủ yếu mang tính tự phát, 70% tổng số hộ dân tự đến khai phá, không khai báo với chính quyền địa phương ở xã, ấp. Nguyên nhân của tính tự phát là do các hộ chưa quan tâm đến vai trò quản lý đất của địa phương. Còn chính quyền xã, ấp chưa quan tâm lắm đến công tác quản lý, kiểm tra đất đai, nhân khẩu ở nơi khác đến xã lập nghiệp, do tính cấp thiết phải khuyến khích người dân đến khai phá mở rộng diện tích đất canh tác nông nghiệp ở địa phương trong thời gian đầu.

Từ sau những năm 1990, công tác quản lý đất đai, nhân khẩu ở địa phương đã chặt chẽ hơn, ý thức chấp hành luật pháp về quản lý đất đai của người dân đã được nâng cao hơn, nên đa số các hộ khai phá đất đai đã khai báo, xin phép trước với chính quyền xã, ấp.

2.4. Phương tiện khai phá

Phương tiện khai phá đất của các hộ dân chủ yếu là những công cụ thô sơ, nhiều chủng loại, để dùng trong các công việc khác nhau, như: rựa để phát cành cây, bụi cây; cuốc, xẻng để cuốc, xới đất và đánh luống gieo trồng; cưa nhỏ để cưa cành và các cây thân nhỏ như tre, nứa, trâm bầu; cưa lớn thường được 2 người sử dụng chung để cưa hạ những thân cây lớn, lâu năm như cây dầu, bằng lăng, gõ, sến. Nhược điểm của các phương tiện khai phá trên là tốn nhiều sức lực, tốn nhiều thời gian khi gặp những cây gỗ lớn, mặt đất gồ ghề nhiều ô trũng, nhiều tảng đá, gốc cây lớn.

Về chỗ ở, những hộ đến khai phá thường chọn vị trí đất cao ráo để dựng nhà, nhằm tránh ngập nước mùa mưa lũ. Các nguyên vật liệu làm nhà được lấy từ môi trường tự nhiên sẵn có như thân cây lớn làm cột, lá dừa, lá cây sống lù (loại cây có thân lá hình nan quạt khổ lớn) lợp mái, làm vách vừa bền vừa mát. Vì nhà ở dựng sơ sài, trải qua mỗi mùa mưa nắng nhà lại bị hư hỏng, phải sửa chữa nhiều lần. Những năm về sau này nhiều gia đình khá lên, đã xây dựng nhà kiên cố hơn.

2.5. Quy trình khai phá

Đất nông nghiệp ở xã Láng Dài chủ yếu có 2 loại: đất rẫy và đất ruộng.

Đất rẫy thuộc vùng đất cao có độ dốc từ 8 - 20^0, loại đất vàng đỏ, phân bố ở các ấp Thanh An, Cây Cám, Gò Sầm, phù hợp với các loại cây màu, cây lương thực, cây ăn trái lâu năm, như bắp, khoai mì, đậu phộng, đậu xanh, nhãn, mãng cầu, xoài, cây tràm…

Quy trình khai phá đất rẫy của nông hộ được thực hiện qua nhiều bước. Đầu tiên là cắt, tỉa hạ đốn cây, đánh

gốc những cây lớn, cây lâu năm, như cây gỗ dầu, bằng lăng, rồi đốt lá, cành thành tro, rải đều trên mặt đất. Tiếp theo, san lấp mặt bằng từ chỗ cao xuống chỗ thấp. Công đoạn này thường được làm vào mùa khô (từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau). Sau đó, vào mùa mưa hàng năm (từ tháng 4 năm trước đến tháng 11 năm sau) dùng cuốc, xẻng đánh thành từng luống đất để trồng bắp, khoai mì, đậu xanh.

Thời gian khai phá đất rẫy từ lúc bắt đầu cho đến lúc canh tác diễn ra nhanh hay chậm phụ thuộc địa hình khu đất, nhiều hay ít cây lớn, mặt đất gồ ghề mức nào, xa hay gần trục đường giao thông. Đồng thời, điều này còn phụ thuộc vào tiềm lực kinh tế và nhân lực lao động của các hộ. Những hộ gia đình thuộc diện nghèo, con nhỏ phải mất từ 3 - 4 năm khai phá. Những hộ có điều kiện thuê mướn nhân công thì từ 8 tháng đến 1 năm. Để có lương thực, thực phẩm nuôi sống gia đình, đảm bảo tái sản xuất sức lao động, các hộ thường tiến hành khai phá theo hình thức da beo. Đất đai chỗ nào thuận lợi làm trước và gieo trồng ngay cây màu lương thực, sau đó khai phá tiếp cho đến hết phần diện tích đất dự định khai phá của gia đình.

Đất ruộng ở xã là loại đất phù sa, có địa hình thấp, tập trung ở các ấp Cây Cám, Gò Sầm, Thanh An, thường được trồng lúa từ 1 đến 3 vụ trong năm, cùng với bắp, khoai lang, khoai mì. Quy trình khai phá đất ruộng cũng giống như khai phá đất rẫy, nhưng tốn nhiều công sức hơn, đòi hỏi phải san lấp mặt ruộng bằng phẳng, đắp bờ đều để giữ nước cho cây lúa. Gặp phải ruộng có nhiều gốc cây lớn lâu năm, thì phải đánh cho sạch hết gốc rễ mới có thể cầy bừa làm tơi đất, tốn nhiều thời gian công sức. Khai phá đất ruộng thường mất nhiều thời gian hơn so với khai phá đất rẫy.

Đất rẫy và đất ruộng ở xã Láng Dài thường được phân bố gần nhau trong một ấp. Trong diện tích đất khai phá, đa số các hộ vừa có đất rẫy vừa có đất ruộng. Đó là yếu tố thuận lợi để các hộ trồng được nhiều loại cây, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi một cách phù hợp và hiệu quả.

Trong quá trình khai phá đất, việc làm mốc xác định ranh giới, chủ quyền thửa đất mới khai phá của các hộ cũng khá đơn giản, chủ yếu sử dụng những vật có sẵn trong tự nhiên. Với đất rẫy các hộ thường chừa các gốc cây lớn lâu năm, hoặc cắm cọc, dựng các tảng đá lớn để xác định mốc chủ quyền. Còn ranh giới giữa các thửa ruộng được xác định bằng cách đắp bờ, cắm cọc xung quanh.

2.6. Vấn đề tranh chấp đất đai

Mặc dù đất chủ yếu được khai phá dưới hình thức tự khai phá (không khai báo với chính quyền địa phương) và các hộ dân đến từ nhiều địa phương khác nhau nhưng việc tranh chấp chủ quyền, ranh giới đất lại ít xảy ra. Trong 40 hộ được chúng tôi khảo sát chỉ có 2 trường hợp xảy ra tranh chấp chủ quyền đất khai phá, chiếm tỷ lệ 5%. Trường hợp thứ nhất là trên cùng diện tích đất một chủ thứ nhất đến khai phá trước, nhưng vì lý do gì đó, giữa chừng thì họ bỏ đi và hộ đến sau

tiếp tục khai phá khu đất trên. Sau khi thửa đất được khai phá xong người chủ trước tìm đến đòi lại; trường hợp thứ hai là những người đến trước khai phá chặt cây, dựng lán, làm hầm đốt than củi để bán, sau một thời gian khai thác hết cây làm nguyên liệu, họ bỏ đi nơi khác và người đến sau tiếp tục khai phá khu đất trên, đến khi hoàn thành thì chủ trước quay lại tranh chấp. Tuy nhiên tranh chấp đất đai giữa các hộ trên đều được giải quyết bằng sự thỏa thuận của 2 bên, chủ đất sau nhường lại 1/3 hoặc 1/4 diện tích thửa đất cho người đã khai phá trước.

Giữa các hộ ít xảy ra tranh chấp còn vì diện tích đất rừng ở xã nhiều, dân cư thưa thớt, đất được khai phá chủ yếu để gieo trồng, không phải để mua bán. Hơn nữa, khi mới đến khai hoang, các hộ luôn sẵn sàng giúp nhau vượt qua khó khăn, gắn kết cộng đồng để xây dựng cuộc sống mới. Thời gian sau này, việc tranh chấp đất đai diễn ra chủ yếu trong họ hàng thân tộc, hoặc do sự thiếu sót, nhầm lẫn của chính quyền địa phương khi đo, vẽ diện tích, vị trí thửa đất của các hộ trên bản đồ địa chính xã.

So với các địa phương khác trong vùng, việc tranh chấp đất đai giữa các hộ và các hộ với chính quyền địa phương không phải là vấn đề nổi cộm trong quá trình khai phá và sử dụng đất ở xã Láng Dài.

2.7. Diện tích đất khai phá theo quy mô hộ

Theo điều tra 30 hộ có quá trình khai phá trong 10 năm đầu (1975 - 1985), đây là thời gian đất đai khai phá nhiều nhất, cả về diện tích khai phá theo quy mô hộ và diện tích đất khai phá được. Bảng 1 cho thấy số hộ có diện tích khai phá đất rẫy dưới 1ha chiếm tỷ lệ đông nhất với 50% số hộ được hỏi. Số hộ có diện tích từ 1 - 2ha đứng thứ 2 với tỷ lệ 30%. Số hộ có diện tích trên 2ha thấp hơn cả với 20%.

So với đất rẫy, khai phá đất ruộng để trồng lúa nước đòi hỏi tốn nhiều công sức, thời gian hơn nên các hộ có diện tích khai phá đất ruộng dưới 1ha và từ 1 - 2ha chiếm số lượng đông nhất với 26 hộ chiếm tỷ lệ 86% số hộ được hỏi. Một số hộ có điều kiện thuê mướn nhân công nên khai phá được nhiều hơn, trên 2ha, chiếm tỷ lệ 13% (xem Bảng 1).

Kết quả trên cho thấy, dù những năm đầu diện tích đất rừng ở xã còn nhiều, nhưng hộ đi khai phá đa số là hộ nghèo, công cụ khai phá thô sơ, thêm

Bảng 1. Diện tích đất nông nghiệp được khai phá theo quy mô hộ ở xã Láng Dài thời kỳ (1975 - 1985)

	Dưới 1ha		Từ 1 - 2ha		Trên 2ha		Tổng cộng	
Đất rẫy	Số hộ 15	Tỷ lệ 50%	Số hộ 9	Tỷ lệ 30%	Số hộ 6	Tỷ lệ 20%	Số hộ 30	Tỷ lệ 100%
	Dưới 1ha		Từ 1-2ha		Trên 2ha		Tổng cộng	
Đất ruộng	Số hộ 19	Tỷ lệ 63,3%	Số hộ 7	Tỷ lệ 23,3%	Số hộ 4	Tỷ lệ 13,3%	Số hộ 30	Tỷ lệ 100%

Nguồn: Nguyễn Công Mạnh, 2014.

Bảng 2. Diện tích đất khai phá theo quy mô hộ ở xã Láng Dài thời kỳ 1986 - 2010

Đất rẫy	Dưới 1000m^2	Trên 1000m^2	Tổng cộng
	8 hộ	2 hộ	10 hộ
Đất ruộng	Dưới 600m^2	Trên 600m^2	Tổng cộng
	9 hộ	1 hộ	10 hộ

Nguồn: Nguyễn Công Mạnh, 2014.

vào đó địa hình gồ ghề, giao thông đi lại khó khăn, nên diện tích khai phá đất rẫy từ 1 - 2ha là phù hợp với khả năng của đa số các hộ. Những hộ khá, nhiều lao động thì diện tích khai phá nhiều hơn, nhưng số này chỉ chiếm 20% (xem Bảng 2).

Thời kỳ (1986 - 2010) đất khai phá theo quy mô hộ có diện tích nhỏ hơn so với thời kỳ trước. Kết quả điều tra 10 hộ dân có quá trình khai phá đất trong thời kỳ này, số hộ có diện tích khai phá đất rẫy dưới 1 công có 8 hộ, trên 1 công có 2 hộ. Số hộ có diện tích khai phá đất ruộng, dưới 600m^2, chiếm đa số. Nguyên nhân là do diện tích đất rừng hoang của xã trong thời kỳ này không còn nhiều, thường nằm ở vùng đất cao, xa trung tâm xã, thuộc các ấp Gò Sầm, Cây Cám, điều kiện làm thủy lợi tạo nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt gặp khó khăn, nhất là vào mùa khô hạn.

3. DIỆN TÍCH ĐẤT KHAI PHÁ

Trải qua 30 năm (1975 - 2010) lao động miệt mài, những người nông dân đến từ mọi miền đã vượt qua nhiều khó khăn thách thức, khai hoang lập nghiệp, đưa gần như toàn bộ diện tích đất rừng và đất hoang hóa của xã Láng Dài vào sản xuất. Nguồn tài nguyên đất đai, nhân lực được phát huy là nền tảng để xã Láng Dài phát triển mạnh về nông nghiệp trong thời gian qua.

Bảng 3. Kết quả khai phá mở rộng đất nông nghiệp ở xã Láng Dài thời kỳ 1975 - 2010

	Thời kỳ (1975 - 2010)	
	1975 - 1985	1986 - 2010
- Diện tích đất nông nghiệp được khai phá	1.700ha	560ha
- Trong đó diện tích: Đất ruộng	700ha	160ha

Nguồn: Ủy ban Nhân dân xã Láng Dài, 2010.

Tổng diện tích đất nông nghiệp khai phá được từ năm 1975 - 2010 là 2.260ha, trong đó diện tích đất rẫy là 1.400ha, đất ruộng là 860ha, chiếm 77% tổng diện tích đất nông nghiệp của xã hiện nay (2.260ha/2.920ha). Nhìn vào những số liệu này có thể thấy mức độ khai mở đất đai rất lớn của xã trong 25 năm qua. Điều này gợi mở một xem xét chung cho toàn vùng Đông Nam Bộ.

4. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KHAI MỞ DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ LÁNG DÀI

4.1. Tạo nền tảng để xây dựng Láng Dài trở thành xã phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững ở Đông Nam Bộ

Công cuộc khai phá mở rộng diện đất nông nghiệp đã biến vùng đất hoang vu xã Láng Dài thành vùng nông nghiệp trù phú của huyện Đất Đỏ. Với tiềm năng, lợi thế về tài nguyên đất, hiện tại và trong tương lai, Láng Dài sẽ là một trong những xã giữ vị trí hàng đầu về sản xuất lương thực, thực phẩm, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm của huyện Đất Đỏ.

Diện tích đất khai phá đã được quy hoạch tạo nên kết cấu hạ tầng ngày càng tiện lợi, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu cuộc sống và sản xuất của nhân dân trong xã. Hệ thống đường giao thông nội đồng, liên ấp, liên xã đã được xây dựng khá hoàn chỉnh, được mở rộng, tôn cao, bê tông hóa, trải nhựa, tạo thuận lợi cho người

dân sinh hoạt và sản xuất. Bên cạnh đó xã cũng đã xây dựng hệ thống trường lớp, trạm y tế, nhà văn hóa, khu thể thao đáp ứng bước đầu nhu cầu học tập, chữa bệnh, vui chơi của nhân dân.

Việc khai phá mở rộng diện tích đất nông nghiệp cũng đã thu hút hàng ngàn hộ dân từ các vùng miền khác nhau đến xã khai hoang lập nghiệp. Cùng với đất đai, đây là nguồn lực quan trọng để xã Láng Dài vươn lên, phát triển kinh tế, xã hội bền vững. Đến nay xã Láng Dài đã có hơn 6.000 nhân khẩu, tăng gấp 9 lần so với những năm đầu thành lập xã. Phần lớn số dân này là những người đã đến lập nghiệp từ 20 - 40 năm tại xã, gắn bó với cộng đồng, có điều kiện cuộc sống ngày càng tốt hơn. Số lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học ngày càng nhiều (Ủy ban Nhân dân xã Láng dài, 2010). Đó là vốn xã hội và con người quan trọng cho phát triển của xã.

4.2. Tăng diện tích, năng suất, sản lượng, chất lượng, sản phẩm cây trồng vật nuôi

Đến năm 2010 diện tích đất nông nghiệp của xã đạt 2.920ha, tăng gấp 4,4 lần so với 1975. Trong đó diện tích lúa 2 vụ trở lên là 1.251ha, tăng 2,5 lần, diện tích các loại cây màu lương thực, thực phẩm, lâu năm tăng lên 1.616ha (Phòng Thống kê huyện Đất Đỏ, 2010, tr. 37).

Nhờ gắn khai phá ruộng đất với làm

thủy lợi nội đồng, xây dựng đập dâng sông Ray, chủ động nguồn nước tưới tiêu, áp dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật trong gieo trồng, chăn nuôi và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng tích cực, xã đã nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. So với thời kỳ đầu xã chỉ trồng lúa 1 vụ năng suất thấp (2,5 tấn/ha), đến năm 2010 diện tích gieo trồng lúa đã tăng lên 2, 3 vụ với 2.508ha, năng suất trung bình cả năm đạt 6 tấn/ha (vụ hè thu 5 tấn/ha, mùa 4,5 tấn/ha, đông xuân 8,5 tấn/ha) đưa sản lượng lúa cả năm đạt 11.776 tấn. Cây bắp có diện tích 541ha, năng suất 4,9 tấn/ha, sản lượng 2.645 tấn, khoai mì 170ha, sản lượng 3.400 tấn (Phòng Thống kê huyện Đất Đỏ, 2010, tr. 37). Tổng sản lượng cây lương thực có hạt của xã đạt bình quân hàng năm là 10.793 tấn, đưa bình quân lương thực đạt 1500kg/đầu người/năm, đã đảm bảo an ninh lương thực ở địa phương và cung ứng cho thị trường (Ủy ban Nhân dân xã Láng Dài, 2010).

Bên cạnh sản xuất lương thực, ngành chăn nuôi cũng phát triển, nhất là chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt mang lại lợi nhuận cao, ổn định cho nông hộ. Đến nay đàn bò của xã có 1.878 con, tăng gấp 6 lần so với những năm 1980, mỗi năm cung cấp 400 tấn thịt bò cho thị trường (Ủy ban Nhân dân xã Láng Dài, 2010). Ở ấp Gò Sầm, Cây Cám mỗi hộ nuôi từ 2 đến 4 con bò thịt và bò sinh sản, có hộ mạnh dạn đầu tư tăng số lượng đàn bò lên 60 con, phát triển theo mô hình chăn nuôi trang trại vừa và nhỏ.

Người dân cũng đã biết chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, phù hợp với từng loại đất. Các cây ăn quả mang

tính đặc sản của địa phương như nhãn nhục, mãng cầu trái vụ, xoài, được người dân mở rộng diện tích, kết hợp với thực hiện tiêu chuẩn VietGAP, vừa mang lại thu nhập cao hàng năm vừa tăng độ che phủ, chống xói mòn đất. Một số thửa ruộng trồng lúa màu một vụ hiệu quả thấp được người dân chuyển qua đào ao nuôi cá nước ngọt, như cá thác lác, cá lóc, nước lợ mang lại lợi nhuận thu nhập cao hơn cho nông hộ.

4.3. Nâng cao đời sống người dân, giảm hộ nghèo, tăng hộ khá, giàu

Các chính sách của xã về khai phá đất hoang hóa và đất rừng, mở rộng diện tích đất nông nghiệp, thực hiện giao đất ổn định cho người dân, xây dựng hệ thống thủy lợi kiên cố, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi hợp lý... đã nâng cao sản lượng, năng suất, giá trị nông sản, góp phần tăng thu nhập, giảm hộ nghèo, tăng hộ khá, giàu, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân trong xã.

Kết quả điều tra năm 2014 cho thấy cây lúa là cây thu nhập chủ lực của các hộ dân trong xã. Cứ 1ha lúa trồng 3 vụ trong năm, năng suất bình quân đạt 5,5 tấn, trừ các khoản chi phí thì cho lợi nhuận 60 triệu đồng. Ngoài thu nhập từ cây lúa các hộ còn thu nhập từ cây ăn trái, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Những hộ có mức thu nhập từ 60 - 100 triệu đồng/năm, có tỷ lệ cao nhất với 50% tổng số hộ được hỏi. Đây là những hộ có diện tích trồng lúa 2 - 3 vụ trong năm, kết hợp trồng rau, màu, chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt. Những hộ có mức thu nhập trên 100 triệu đến 150 triệu đồng/năm, ngoài trồng lúa, trồng cây ăn trái nhãn, mãng cầu, còn đầu tư chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản theo quy mô trang trại vừa và nhỏ từ 10 - 20 con, hoặc nuôi cá nước ngọt, nước lợ. Qua điều tra nhiều hộ xây được nhà kiên cố, có xe gắn máy, các phương tiện nghe nhìn, được sử dụng nước sạch. Nhiều hộ có con cái học tới bậc đại học ở TPHCM, thành phố Bình Dương.

Bảng 4. Mức thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của hộ nông dân ở xã Láng Dài, 2014

Dưới 60 triệu đồng/năm		Từ 60 triệu-100 triệu/năm		Trên 100 triệu đến 150 triệu/năm		Trên 150 triệu/năm	
Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
8	20%	20	50%	10	25%	2	5%

Nguồn: Nguyễn Công Mạnh, 2014.

4.4. Tạo cơ sở lịch sử và pháp lý cho việc xác lập quyền sử dụng đất

Xác lập quyền sử dụng đất của nông hộ được dựa trên 4 yếu tố cơ bản là nguồn gốc sử dụng đất, đất có tranh chấp hay không, vị trí và diện tích thửa đất.

Về nguồn gốc, đa số diện tích đất canh tác nông nghiệp ở xã Láng Dài có nguồn gốc từ đất khai phá thời kỳ 1975 - 2010. Những người đến khai phá là những hộ nông dân nghèo, không đất, thiếu đất. Họ đã tạo được gia sản đất đai bằng chính công sức lao động của mình. Vì vậy, dù khai phá đất hoang hóa dưới hình thức tự phát hay có xin phép chính quyền, họ đều là những người chủ đất chân chính, biết làm lợi cho bản thân và cộng đồng, xây dựng

cuộc sống mới ở xã.

Việc tranh chấp đất đai không phải là vấn đề nổi cộm ở xã Láng Dài đã tạo thuận lợi để xác lập quyền sử dụng đất cho nông hộ. Đến năm 1994 chỉ sau một năm thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Láng Dài là một trong 3 xã của huyện Đất Đỏ (Phước Long Hội, Tam An, Long Tân) có tỷ lệ hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều nhất, chiếm 84% trong tổng số đơn kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân, (1.620/1.920 trường hợp). Đến đầu những năm 2000 xã Láng Dài cơ bản hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân có đất, đạt tỷ lệ 99,94% diện tích đất canh tác nông nghiệp của xã (3.001,90ha/3.003,70ha).

Được sử dụng đất ổn định, lâu dài, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nông dân ở xã Láng Dài chủ động đầu tư cải tạo, sử dụng đất hợp lý, nhằm phát triển sản xuất theo hướng bền vững, nâng cao đời sống người dân.

4.5. Những tác động có tính chất tiêu cực trong quá trình khai mở và sử dụng đất đai

Do đặc thù về lịch sử khai phá và thực trạng sử dụng đất nông nghiệp thời gian qua, quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở xã Láng Dài đang tồn tại những hạn chế, phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế của xã và của vùng Đông Nam Bộ.

Hình thức sở hữu, sử dụng đất của xã đang ở quy mô nhỏ lẻ, manh mún, tự phát, dễ gặp nhiều rủi do trong cơ chế thị trường. Sử dụng tài nguyên đất còn chưa phù hợp hoặc lãng phí. Ví dụ: chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi diễn ra chậm, hiệu quả chưa cao, nên thu nhập nông hộ đa số ở mức trung bình, tỷ lệ hộ khá, giàu còn thấp. Phân bố dân cư, nhà ở của người dân trên địa bàn xã chưa hợp lý. Công tác quản lý, thu hồi đất nông nghiệp của người dân còn thiếu minh bạch.

Trước đây rừng bao phủ gần như toàn bộ xã, nay rừng hầu như không còn, vì vậy, các vùng trũng của xã dễ bị ngập úng khi trời mưa nhiều và nước sông Ray lên cao tràn bờ. Việc cải tạo và khai thác đất quá mức, đặc biệt là trồng 3 vụ lúa/năm khiến cho đất nhanh chóng bị bạc màu. Ở vùng gần biển, người dân chuyển sang nuôi trồng hải sản, cộng thêm với tình trạng nước biển ngày càng dâng cao, khiến cho nhiều ruộng lúa ở sâu trong xã cũng bị nhiễm mặn mỗi khi triều cường lên cao. Những vấn đề này đang đe dọa sự phát triển bền vững của xã, đòi hỏi chính quyền phải có những chính sách mới để khắc phục về lâu dài.

Công cuộc khai phá mở rộng diện tích đất nông nghiệp của người nông dân xã Láng Dài là cả quá trình lao động miệt mài, sáng tạo, đoàn kết, vươn lên vì cuộc sống tương lai tốt đẹp hơn trên vùng đất mới Đông Nam Bộ. Đất đai được khai phá mở rộng là cơ sở để xã Láng Dài nói riêng, và vùng Đông Nam Bộ nói chung phát huy tiềm năng lợi thế các nguồn lực nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững. ❑

(Xem tiếp trang 80)

(Tiếp theo trang 70) **KHAI MỞ ĐẤT NÔNG NGHIỆP...**

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Công Mạnh. 2014. *Vấn đề khai phá, mở rộng đất nông nghiệp ở nông thôn Đông Nam Bộ thời kỳ 1975 - 2010* (Nghiên cứu trường hợp xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) Đề tài cấp Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

2. Phòng Thống kê huyện Đất Đỏ. *Niên giám thống kê huyện Đất Đỏ (năm 2004 - 2010)*.

3. Ủy ban Nhân dân xã Láng Dài. 2010. *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban Nhân dân xã Láng Dài từ năm 1985 - 2010*.

4. Ủy ban Nhân dân xã Láng Dài. 2014. *Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2020 xã Láng Dài huyện Đất Đỏ.*